TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **33**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Vũ Thị Thu Hằng.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Toàn.
2. Bà Bùi Thị Minh Hoa.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hằng – Cán bộ TAND quận Cầu Giấy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Võ Quốc H**, sinh năm: 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 4 ngách 29/39/2 Tập thể A16 Khương Hạ, quận T Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* **Chị Mai T,** sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Căn hộ 2602 Tòa A Central Point 219 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Võ Quốc H trình bày như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Quốc H và chị Mai T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội ngày 14/9/1998. Quá trình chung sống đến năm

2016 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân 06 (Sáu) năm từ năm 2017 đến nay. Cưới nhau được 06 (Sáu) tháng thì anh chị xảy ra mâu thuẫn. Để giải quyết mâu thuẫn, anh chị đã dẫn nhau ra nhà ngoại và chị T cam kết sẽ thay đổi. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị vẫn tiếp xục xảy ra và trở nên gay gắt hơn. Anh H xác nhận vợ chồng anh chị đã chấm dứt quan hệ sinh lý từ năm 2017. Nay, anh Võ Quốc H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai T.

- Về con chung: Anh Võ Quốc H xác định anh và chị Mai T có 02 (Hai) con chung là cháu Võ Quốc K, sinh năm 2000 và cháu Võ Quốc H, sinh năm 2003. Hiện tại, cháu Võ Quốc K đang ở với anh Võ Quốc H và cháu Võ Quốc H đang ở với chị Mai T. Hiện 02 (Hai) cháu đã trưởng thành, việc sống với ai do các cháu tự quyết định, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Võ Quốc H xác định anh và chị Mai T tự thỏa thuận, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp phát sinh, anh chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: Anh Võ Quốc H xác nhận anh và chị Mai T không nợ ai và không ai nợ gì anh chị, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

**** Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Mai T trình bày như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai T đồng ý với quan điểm trình bày của anh H. Hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội ngày 14/9/1998. Quá trình chung sống đến năm 2016 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhiều do cái tôi của anh H quá lớn nên vợ chồng không trao đổi với nhau được. Anh H ghen tuông vô căn cứ. Cả hai đã cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nH không thành. Kể từ năm 2017 đến nay thì vợ chồng chị Mai T và anh H đã sống ly thân. Chị Mai T không đồng ý ly hôn với anh H khi các con chưa trưởng thành. Chị T đề nghị giữ tình trạng sống ly thân như hiện tại.

- Về con chung: Chị Mai T xác định có 02 (Hai) con chung là cháu Võ Quốc K, sinh năm 2000 và cháu Võ Quốc H, sinh năm 2003. Hiện tại cháu Võ Quốc K đang ở với anh Võ Quốc H và cháu Võ Quốc H đang ở với chị Mai T. Hiện 02 (Hai) cháu đã trưởng thành, việc sống với ai do các cháu tự quyết định, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Mai T xác định chị và anh H tự thỏa thuận, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp phát sinh, anh chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: Chị Mai T xác nhận chị và anh H không nợ ai và không ai nợ gì anh chị, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn: Kể từ khi thụ lý vụ án đến tại trước khi mở phiên toà các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy hôn nhân giữa anh Võ Quốc H và chị Mai T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sinh sống đến năm 2016, anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị Mai T.

- Về việc nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 14/9/1998, anh Võ Quốc H và chị Mai T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, có nguyện vọng được ly hôn nên là tranh chấp ly hôn và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là chị Mai T có địa chỉ nơi cư trú hiện tại là Căn hộ 2602, tòa A Central Point 219 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

[3] Về nội dung:

3.1. Xét yêu cầu xin ly hôn giữa anh Võ Quốc H và chị Mai T, HĐXX nhận định: Theo bản tự khai và các biên bản làm việc cũng như lời khai tại phiên tòa đủ cơ sở để khẳng định giữa anh Võ Quốc H và chị Mai T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng căng thẳng. Nguyên nhân là trong quá trình chung sống anh Võ Quốc H luôn nghi ngờ chị Mai T không chung thủy nH không có căn cứ và anh H không có sự tin tưởng đối với chị Mai T. Giữa hai anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và không có sự chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau. Do cái tôi cao nên anh chị cũng không thể hòa giải được với nhau và đã tự sống ly thân với nhau kể từ năm 2017. Đến nay, Mỗi người sống ở một nhà khác nhau và không quan tâm đến cuộc sống riêng tư của nhau.

Như vậy HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc và không còn tình cảm với nhau. Mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy anh H có nguyện vọng ly hôn với chị Mai T đơn phương, HĐXX thấy rằng đây là quyền chính đáng của công dân, phù hợp với căn cứ của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Anh Võ Quốc H được ly hôn với chị Mai T. Hôn nhân của anh chị đã không thể hàn gắn đoàn tụ được và Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng đã kiên trì hòa giải cho anh chị đoàn tụ nH không thành. Việc chị Mai T không đồng ý ly hôn với lý do chỉ mong muốn duy trì tình trạng ly thân để cho các con không bị tổn thương, HĐXX thấy rằng vì anh H không đồng ý kéo dài tình trạng ly thân. Vì vậy cũng không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của chị Mai T.

HĐXX nhận định có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh H với chị Mai T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị Mai T.

2.2. Về con chung: Đủ căn cứ xác định nguyên đơn anh Võ Quốc H và bị đơn chị Mai T có 02 (Hai) con chung là cháu Võ Quốc K, sinh năm 2000 và cháu Võ Quốc H, sinh năm 2003. Hiện tại cháu Võ Quốc K đang ở với anh Võ Quốc H và cháu Võ Quốc H đang ở với chị Mai T. Hiện 02 (Hai) cháu đã trưởng thành, việc sống với ai do các cháu tự quyết định, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX nhận thấy: Các đương sự không có tranh chấp, tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở): Nguyên đơn anh Võ Quốc H và bị đơn chị Mai T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX nhận thấy: Các đương sự không có tranh chấp, tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

2.4. Về công nợ: Nguyên đơn anh Võ Quốc H và bị đơn chị Mai T cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị. Anh chị không

yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. ĐXX nhận thấy: Các đương sự không có tranh chấp, tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Võ Quốc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 9 Điều 70, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Võ Quốc H đối với bị đơn chị Mai T. Anh Võ Quốc H được ly hôn với chị Mai T.

2. Về con chung: Nguyên đơn anh Võ Quốc H và bị đơn chị Mai T có 02 (Hai) con chung là cháu Võ Quốc K, sinh năm 2000 và cháu Võ Quốc H, sinh năm 2003. Hiện tại cháu Võ Quốc K đang ở với anh Võ Quốc H và cháu Võ Quốc H đang ở với chị Mai T. Hiện 02 (Hai) cháu đã trưởng thành, việc sống với ai do các cháu tự quyết định. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở: Nguyên đơn anh Võ Quốc H và bị đơn chị Mai T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Nguyên đơn anh Võ Quốc H và bị đơn chị Mai T cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn anh Võ Quốc H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy theo biên lai thu số AA/2020/0019352 ngày 10/4/2023. Nay cHển thành án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Võ Quốc H và chị Mai T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- UBND phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội; (Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển 11/1998 ngày 14/9/1998).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hằng